

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trương Ngọc Điệp
2. Bà Trương Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số A, đường N, Tổ G, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số A, đường N, Tổ A, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số A, đường N, Tổ G, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Nguyễn Thành Đ kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2014 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 19/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình

chung sống cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, cả hai đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không thành do ông Đ thường xuyên có lời lẽ xúc phạm, chửi mắng vợ con và cả gia đình nhà vợ mỗi khi uống rượu về. Mặc dù, bà T đã cố gắng khuyên nhủ và cho ông Đ cơ hội thay đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ, bà T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 07/01/2015 và Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 18/11/2018. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.500.000đồng/tháng/01con cho đến khi cháu Y và cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hoàng T về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 07/01/2015 và Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 18/11/2018. Về cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng, thỉnh thoảng ông Đ có uống rượu về la mắng vợ con nhưng ông Đ xác định vẫn còn tình cảm với vợ con. Vẫn chăm lo cho các con và có trách nhiệm với con chỉ là mỗi khi uống rượu về có la mắng vợ con nên gia đình có mâu thuẫn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất ý kiến bà T về việc bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Thành Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.500.000đồng/tháng/01con cho đến khi cháu Y và cháu L đủ 18 tuổi. Trường hợp ông Đ có khả năng nhiều hơn sẽ cấp dưỡng nhiều hơn cho 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T và ông Đ có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là đúng thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về con chung, tài sản chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ hiện đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;

Bị đơn ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông Đ đều thống nhất thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn đã lâu nhưng không thể hàn gắn. Bị đơn ông Đ cho rằng bản thân vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng ông Đ không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên hòa giải, ngày 18/3/2025, ông Đ thừa nhận có hành vi chửi mắng vợ con mỗi khi uống rượu về nhưng vẫn không khắc phục được. Đồng thời, ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng lại đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là mâu thuẫn trong chính lời trình bày của ông về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Ông Đ đồng ý với mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là 2.500.000đồng/tháng/01con cho đến khi cháu Y và cháu L đủ 18 tuổi cho thấy ông Đ dù không đồng ý ly hôn nhưng vẫn thống nhất vấn đề con chung nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở.

[3] Bà T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đ vì cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở, đúng tình trạng hôn nhân thực tế của ông Đ, bà T nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T và giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đồng/tháng/01con cho đến khi cháu Y và cháu L đủ 18 tuổi.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Bà Nguyễn Thị Hoàng T được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ

(Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/2014 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 19/3/2014).

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 07/01/2015 và Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 18/11/2018

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.500.000đồng(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng/01 con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thành Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; trường hợp, đương sự lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Nguyễn Thị Hoàng T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Thành Đ.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009234 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân